

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH

Bản án số: 54/2025/HS-ST
Ngày 29-4-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Tòng Quân.
- Ông Nguyễn Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Thảo Vy là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trương Đức Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Phan Văn C, sinh năm 1990, tại Thành phố Hà Nội; nơi thường trú: thôn P, xã Đ, thị xã S, Thành phố Hà Nội; nơi tạm trú và nơi ở hiện nay: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn N và bà Phùng Thị T; có vợ là Nguyễn Thị H và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có;

- Nhân thân:

+ Ngày 17/7/2019, bị Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 829/QĐ-XPVPHC xử phạt số tiền 10.000.000 đồng về hành vi “Cho vay tiền có cầm cố tài sản nhưng vượt mức quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng N3 công bố tại thời điểm cho vay”, đã

chấp hành nghĩa vụ nộp phạt ngày 13/12/2019, đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính;

+ Ngày 25/02/2020, bị Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 100/QĐ-UBND xử phạt số tiền 15.000.000 đồng về hành vi “Cho vay tiền cầm cố tài sản nhưng lãi suất cho vay vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng N3 công bố tại thời điểm cho vay”, đã chấp hành nghĩa vụ nộp phạt ngày 04/3/2020, đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính;

Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

2. Nguyễn Minh H1, sinh năm 2001, tại Thành phố Hà Nội; nơi thường trú: thôn P, xã Đ, thị xã S, Thành phố Hà Nội; nơi tạm trú và nơi ở hiện nay: khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q và bà Phan Thị Đ; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo tại ngoại. (có mặt)

3. Nguyễn Đăng V, sinh năm 1998, tại Thành phố Hà Nội; nơi thường trú: số A thôn T, phường V, thị xã S, Thành phố Hà Nội; nơi tạm trú và nơi ở hiện nay: khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đăng V1 và bà Trần Thị L; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo tại ngoại. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Hồ Thị T1, sinh năm 1973; nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

2. Ông Phạm Quang D, sinh năm 1971; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

3. Anh Bùi Minh T2, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp B, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

4. Bà Võ Thị N1, sinh năm 1966; nơi cư trú: ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

5. Chị Biện Thị Ngọc H2, sinh năm 1982; nơi cư trú: khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

6. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1957; nơi cư trú: khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

7. Bà Lê Thị Kim H4, sinh năm 1965; nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

8. Chị Nguyễn Thị Tuyết N2, sinh năm 1993; nơi cư trú: khu phố A, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

9. Chị Nguyễn Thị Tường V2, sinh năm 1985; nơi thường trú: khu phố B, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; nơi ở hiện nay: khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

10. Chị Hồ Thị Thu H5, sinh năm 1990; nơi thường trú: 298 N, khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 06/9/2024, Tổ công tác Công an thành phố T tuần tra trên đường V đoạn thuộc Khu phố E, Phường I, thành phố T, tỉnh Tây Ninh phát hiện Nguyễn Minh H1 điều khiển xe mô tô biển số 33M9-5281 đang chở Nguyễn Đăng V có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra và phát hiện trong túi quần trước bên trái của H1 có 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 13 có ốp lưng, trong ốp lưng có 01 căn cước công dân mang tên Bùi Minh T2, sinh năm 1985, nơi cư trú: Á, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, H1 khai nhận cho anh T2 vay tiền góp ngày nên anh T2 thế chấp căn cước công dân cho H1.

Quá trình điều tra xác định được: Năm 2023 Phan Văn C từ Thành phố Hà Nội vào tỉnh Tây Ninh và thuê nhà số D hẻm H, đường số F L thuộc khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh để hoạt động cho vay tiền góp, vào đêm khuya C sẽ đi rải tờ rơi có nội dung cho vay tiền trên địa bàn các huyện T, T, thành phố T, thị xã H, trên tờ rơi có nội dung cho vay tiền góp, kèm số điện thoại 0965397192, khi người vay tiền gọi thì C sẽ đến gặp xem nhà hoặc nơi làm việc và thỏa thuận số tiền cho vay, số tiền góp mỗi ngày, số ngày góp và phí tương ứng 01 ngày góp, số tiền góp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản trực tiếp vào số tài khoản của C. Cứ vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày người vay phải góp tiền gốc và lãi 200.000 đồng trong thời hạn 31 ngày hoặc 250.000 đồng trong thời hạn 25 ngày (thành tiền 6.200.000 đồng hoặc 6.250.000 đồng) tương đương

lãi suất 23.3%/tháng hoặc 30%/tháng; vay 10.000.000 đồng mỗi ngày phải góp tiền gốc và lãi 200.000 đồng trong thời hạn 60 ngày hoặc 400.000 đồng trong thời hạn 31 ngày (thành tiền 12.000.000 đồng hoặc 12.400.000 đồng) tương đương lãi suất 10%/tháng đến 23.2%/tháng. Ngày 29/02/2024, Nguyễn Minh H1 và ngày 20/4/2024, Nguyễn Đăng V đi từ Thành phố Hà Nội vào tỉnh Tây Ninh ở cùng với C và giúp sức cho C trong hoạt động cho vay tiền góp, C trả tiền công cho H1 và V mỗi người 8.000.000 đồng/ tháng. Nhiệm vụ của H1 và V hàng ngày đi rải tờ rơi có nội dung cho vay tiền và thu tiền góp bằng hình thức tiền mặt.

Từ năm 2023 đến tháng 9/2024, Phan Văn C đã cho 09 người vay tiền, tổng cộng số tiền cho vay là 858.000.000 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 188.423.603 đồng. Trong đó Nguyễn Minh H1 giúp sức cùng C cho 06 người vay tiền từ ngày 29/02/2024 đến tháng 9/2024, tổng số tiền cho vay là 328.000.000 đồng. Nguyễn Đăng V giúp sức cùng C cho 05 người vay tiền từ ngày 20/4/2024 đến tháng 9/2024, tổng cộng số tiền cho vay là 218.000.000 đồng, cụ thể như sau:

1. H1 giúp sức cùng C cho bà Hồ Thị T1 vay 02 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, tổng số tiền vay 10.000.000 đồng, lần thứ nhất vào ngày 08/8/2024 đã thu tiền gốc và lãi 6.250.000 đồng, phí vay 250.000 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.181.500 đồng; lần thứ hai vào ngày 21/8/2024 đã góp được 16 ngày, đã thu tiền gốc và lãi 4.000.000 đồng, phí vay 250.000 đồng, số tiền lãi đã thu lợi bất chính 756.160 đồng. Tổng cộng số tiền thu lợi bất chính là 2.437.660 đồng. Tổng cộng số tiền lãi thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 112.340 đồng. Bà T1 còn nợ C số tiền vay gốc 1.800.000 đồng.

2. H1 và V giúp sức cùng C cho ông Phạm Quang D vay 02 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, tổng số tiền vay 10.000.000 đồng, lần thứ nhất vào ngày 03/8/2024, góp 24 ngày, đã thu tiền gốc và lãi 6.000.000 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính 934.240 đồng; lần thứ hai vào ngày 30/8/2024 đã góp được 09 ngày, đã thu tiền gốc và lãi 2.250.000 đồng, số tiền lãi đã thu lợi bất chính 350.340 đồng. Tổng cộng số tiền thu lợi bất chính là 1.284.580 đồng. Tổng cộng số tiền lãi thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 90.420 đồng. Ông D còn nợ C số tiền vay gốc 3.125.000 đồng.

3. Anh Bùi Minh T2 vay 06 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, tổng số tiền vay 30.000.000 đồng. Trong đó: Từ ngày 11/4/2024 đến ngày 29/7/2024 vay 04 lần,

đã thu tiền gốc và lãi 24.800.000 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính 4.460.240 đồng; ngày 14/8/2024 vay 02 lần đã góp được 23 ngày, đã thu tiền gốc và lãi 4.600.000 đồng, số tiền lãi đã thu lợi bất chính 827.303 đồng. Tổng cộng số tiền thu lợi bất chính là 5.467.391 đồng. Tổng cộng số tiền lãi thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 416.480 đồng. Anh T2 còn nợ C số tiền vay gốc 5.483.871 đồng.

4. Bà Võ Thị N1 vay 04 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng, tổng số tiền vay 40.000.000 đồng. Trong đó: Ngày 22/01/2024 vay 01 lần, đã thu tiền gốc và lãi 12.000.000 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính 1.671.200 đồng; ngày 21/3/2024 vay 01 lần, H1 cùng với C đã thu tiền gốc và lãi 12.000.000 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính 1.671.200 đồng; ngày 21/5/2024 vay 01 lần, H1, V và C đã thu tiền gốc và lãi 12.000.000 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính 1.671.200 đồng; ngày 19/7/2024 vay 01 lần, đã góp được 47 ngày, H1, V và C đã thu tiền gốc và lãi 9.400.000 đồng, số tiền lãi đã thu lợi bất chính 1.309.107 đồng. Tổng cộng số tiền thu lợi bất chính của C là 6.322.707 đồng; H1 giúp sức cùng C cho bà N1 vay 03 lần tổng cộng số tiền thu lợi bất chính là 4.651.507 đồng; V giúp sức cùng với C cho bà N1 vay 02 lần tổng cộng số tiền thu lợi bất chính là 2.980.307 đồng. Tổng cộng số tiền lãi thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.243.960 đồng. Bà N1 còn nợ C số tiền vay gốc 2.166.667 đồng.

5. Chị Biện Thị Ngọc H2 vay 42 lần, trong đó 40 lần 10.000.000 đồng, 02 lần 5.000.000 đồng, tổng số tiền vay 410.000.000 đồng. Từ ngày 10/4/2023 đến ngày 27/02/2024 vay 24 lần, C đã thu tiền gốc và lãi 297.600.000 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính 53.522.880 đồng; từ ngày 06/3/2024 đến ngày 15/4/2024 vay 07 lần, trong đó 05 lần 10.000.000 đồng và 02 lần 5.000.000 đồng, H1, C đã thu tiền gốc và lãi 74.400.000 đồng, số tiền lãi đã thu lợi bất chính 13.380.720 đồng; từ ngày 05/5/2024 đến ngày 25/7/2024 vay 11 lần 10.000.000 đồng, H1, V và C đã thu tiền gốc và lãi 115.600.000 đồng, số tiền lãi đã thu lợi bất chính 20.790.473 đồng. Tổng cộng số tiền thu lợi bất chính của C là 87.694.074 đồng; H1 giúp sức cùng C cho bà H2 vay 18 lần tổng cộng số tiền thu lợi bất chính là 34.171.194 đồng; V giúp sức cùng với C cho bà H2 vay 11 lần tổng cộng số tiền thu lợi bất chính là 20.790.474 đồng. Tổng cộng số tiền lãi thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 6.680.120 đồng. Chị H2 còn nợ C số tiền vay gốc 16.774.194 đồng.

6. Bà Nguyễn Thị H3 vay 06 lần, mỗi lần 3.000.000 đồng, tổng số tiền vay 18.000.000 đồng. Trong đó: Từ ngày 02/8/2024 đến ngày 24/8/2024 vay 04 lần, H1, V và C đã thu tiền gốc và lãi 15.000.000 đồng, số tiền lãi đã thu lợi bất chính 2.835.600 đồng; ngày 02/9/2024 vay 01 lần, đã góp 06 ngày, H1, V và C đã thu tiền gốc và lãi 900.000 đồng, số tiền lãi đã thu lợi bất chính 170.136 đồng; ngày 06/9/2024 vay 01 lần, đã góp 02 ngày, số tiền gốc và lãi 300.000 đồng, số tiền lãi đã thu lợi bất chính 56.712 đồng. Tổng cộng số tiền thu lợi bất chính của H1, V và C là 3.062.448 đồng. Tổng cộng số tiền lãi thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 177.552 đồng. Bà H3 còn nợ C số tiền vay gốc 5.040.000 đồng.

7. Bà Lê Thị Kim H4 vay 12 lần, trong đó 06 lần 10.000.000 đồng, 06 lần 5.000.000 đồng, tổng số tiền vay 90.000.000 đồng. Từ ngày 18/3/2024 đến ngày 08/4/2024 vay 04 lần, H1 và C đã thu tiền gốc và lãi 37.200.000 đồng, số tiền lãi đã thu lợi bất chính 6.690.360 đồng; từ ngày 20/4/2024 đến ngày 07/6/2024 vay 08 lần, H1, V và C đã thu tiền gốc và lãi 57.200.000 đồng, số tiền lãi đã thu lợi bất chính 10.287.328 đồng. Tổng cộng số tiền thu lợi bất chính của H1 và C là 16.977.688 đồng, V giúp sức cùng C cho bà H4 vay 08 lần với số tiền thu lợi bất chính là 10.287.328 đồng. Tổng cộng số tiền lãi thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.293.280 đồng. Bà H4 còn nợ C số tiền vay gốc 13.870.967 đồng.

8. Chị Nguyễn Thị Tuyết N2 vay 10 lần, trong đó 08 lần 15.000.000 đồng, 01 lần 10.000.000 đồng, 01 lần 5.000.000 đồng, với tổng số tiền 135.000.000 đồng. C đã thu tiền gốc và lãi 167.400.000 đồng, số tiền lãi đã thu lợi bất chính là 27.193.076 đồng. Tổng cộng số tiền thu lợi bất chính của C là 27.193.076 đồng. Tổng cộng số tiền lãi thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 2.071.440 đồng. Chị N2 còn nợ C số tiền vay gốc 13.064.516 đồng.

9. Chị Nguyễn Thị Tường V2 vay 15 lần, trong đó 07 lần 15.000.000 đồng, 07 lần 10.000.000 đồng và 01 lần 5.000.000 đồng, tổng số tiền vay 180.000.000 đồng. C đã thu tiền gốc và lãi 211.200.000 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 37.983.979 đồng. Tổng cộng số tiền thu lợi bất chính của C là 37.983.979 đồng. Tổng cộng số tiền lãi thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 2.893.440 đồng. Chị V2 còn nợ C số tiền vay gốc 9.677.419 đồng.

Qua xác minh các bị cáo không có tài sản nên không tiến hành kê biên.

Cáo trạng số: 43/CT-VKSTPTN ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Phan

Văn C về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Minh H1, Nguyễn Đăng V về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh trong phần tranh luận đã giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh nêu trên đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phan Văn C từ 09 đến 12 tháng tù; căn cứ khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự, phạt bổ sung bị cáo Phan Văn C số tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Minh H1 từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; căn cứ khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự, phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Minh H1 số tiền 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng V từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; căn cứ khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự, phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Đăng V số tiền 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng,

4. Biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Buộc bị cáo Phan Văn C nộp lại số tiền nợ gốc mà người vay đã trả cho bị cáo là 251.774.194 đồng, số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự thu của người vay là 5.381.360 đồng, số tiền thu lợi bất chính đã thu của người vay là 70.644.446 đồng để sung ngân sách nhà nước.

- Buộc các bị cáo Phan Văn C, Nguyễn Minh H1 có nghĩa vụ liên đới nộp lại số tiền nợ gốc mà người vay đã trả cho bị cáo là 8.200.000 đồng, số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự thu của người vay là 112.340 đồng, số tiền thu lợi bất chính đã thu của người vay là 2.437.660 đồng để sung ngân sách nhà nước.

- Buộc các bị cáo Phan Văn C, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Đăng V có nghĩa vụ liên đới nộp lại số tiền nợ gốc mà người vay đã trả cho bị cáo là 527.023.172 đồng, số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự thu của người vay là 9.485.332 đồng, số tiền thu lợi bất chính đã thu của người vay là 115.341.497 đồng để sung ngân sách nhà nước.

- Buộc người vay nộp lại số tiền nợ gốc mà người vay đã nhận từ các bị cáo Phan Văn C, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Đăng V nhưng chưa trả cho các bị cáo Phan Văn C, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Đăng V là 71.002.634 đồng để sung ngân sách nhà nước. Cụ thể:

- + Buộc bà Hồ Thị T1 nộp số tiền là 1.800.000 đồng.
- + Buộc ông Phạm Quang D nộp số tiền là 3.125.000 đồng.
- + Buộc anh Bùi Minh T2 nộp số tiền là 5.483.871 đồng.
- + Buộc bà Võ Thị N1 nộp số tiền là 2.166.667 đồng.
- + Buộc chị Biện Thị Ngọc H2 nộp số tiền là 16.774.194 đồng.
- + Buộc bà Nguyễn Thị H3 nộp số tiền là 5.040.000 đồng.
- + Buộc bà Lê Thị Kim H4 nộp số tiền là 13.870.967 đồng.
- + Buộc chị Nguyễn Thị Tuyết N2 nộp số tiền là 13.064.516 đồng.
- + Buộc chị Nguyễn Thị Tường V2 nộp số tiền là 9.677.419 đồng.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước:

+ 01 xe mô tô, biển số 33M9-5281, nhãn hiệu: Honda Wave, màu trắng đen, số máy: HC09E-5076368, số khung: RLHHC09085Y042342; kèm theo 01 Giấy đăng ký xe mô tô số: 0208872, biển số xe: 33M9-5281.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu AirBlade, màu xám bạc, biển số: 59G1-390.11, số máy: JF27E1422199, số khung RLHJF2701BY6778; kèm theo 01 Giấy đăng ký xe mô tô số: 0208982, biển số xe: 59G1-390.11.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave 125i, màu đỏ đen, biển số: 64G1-271.44, số máy: JA210E0185096, số khung MLHJA2108H5185096; kèm theo 01 Giấy đăng ký xe mô tô số: 020531, biển số xe: 64G1-271.44.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu: Air Blade, màu xanh đen, số máy: JF63E2516241, biển số: 70G1-711.43 số khung RLHJF6319KZ02220; kèm theo 01 Giấy đăng ký xe mô tô số: 050032, biển số xe: 70G1-711.43.

+ 01 Điện thoại di động Vivo 1610, màu trắng hồng, số Imei 1: 866580036859571.

- Tịch thu tiêu hủy: 20.000 tờ rơi in màu đỏ nền chữ màu đen, số điện thoại liên hệ màu vàng và 20.000 tờ rơi nền trắng, chữ màu đen cùng nội dung tờ rơi là “CHO VAY TIỀN GÓP, LH: 0971.734.657”.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh H1: 01 Điện thoại di động Iphone 13, màu trắng đen, số sê ri: W3Q2GJQLG, số tiền 170.000 (một trăm bảy mươi nghìn) đồng.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đăng V: 01 Điện thoại di động Iphone 11, màu trắng đen, số sê ri: F4GZL156N72K, số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng.

- Trả lại cho chị Hồ Thị Thu H5: 01 Căn cước công dân mang tên Hồ Thị Thu H5, số Căn cước công dân: 072190004736.

Các bị cáo thống nhất với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến bào chữa cho mình.

Bà Hồ Thị T1, ông Phạm Quang D, anh Bùi Minh T2, bà Võ Thị N1, chị Biện Thị Ngọc H2, bà Nguyễn Thị H3, bà Lê Thị Kim H4, chị Nguyễn Thị Tuyết N2, chị Nguyễn Thị Tường V2 không có yêu cầu trả lại số tiền lãi đã thu vượt quá mức lãi suất theo quy định.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Xin xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, tỉnh Tây Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, bà Hồ Thị T1, ông Phạm Quang D, anh Bùi Minh T2, bà Võ Thị N1, chị Biện Thị Ngọc H2, bà Nguyễn Thị H3, chị Nguyễn Thị Tường V2, bà Lê Thị Kim H4, chị Nguyễn Thị Tuyết N2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị Hồ Thị Thu H5 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, không có lý do; căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến

hành xét xử vắng mặt bà T1, ông D, anh T2, bà N1, chị H2, bà H3, chị V2, bà H4, chị N2, chị H5.

[2] Về tội danh: Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo đúng nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Xét lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án chứng minh được: Từ năm 2023 đến tháng 9/2024 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, bị cáo Phan Văn C cho 09 người vay với tổng số tiền 858.000.000 đồng, với lãi suất cho vay gấp 06 đến 18 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính tổng số tiền 188.423.603 đồng. Trong đó, bị cáo Nguyễn Minh H1 giúp sức cùng bị cáo C cho 06 người vay tiền từ ngày 29/02/2024 đến tháng 9/2024, tổng số tiền cho vay là 328.000.000 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 62.585.077 đồng; bị cáo Nguyễn Đăng V giúp sức cùng bị cáo C cho 05 người vay tiền từ ngày 20/4/2024 đến tháng 9/2024, tổng cộng số tiền cho vay là 218.000.000 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 38.405.137 đồng. Do đó, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phan Văn C phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự, các bị cáo Nguyễn Minh H1, Nguyễn Đăng V phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh truy tố các bị cáo về tội phạm nêu trên là có căn cứ.

[3] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong hoạt động tín dụng nên phải chịu trách nhiệm hình sự.

[3.2] Xét vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ nên chỉ là đồng phạm giản đơn.

[3.2.1] Bị cáo Phan Văn C là người rủ rê bị cáo H1, bị cáo V cùng thực hiện hành vi phạm tội, từ năm 2023 đến tháng 9/2024, bị cáo Chung đã cho 09 người vay tiền, tổng cộng số tiền cho vay là 858.000.000 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 188.423.603 đồng. Vì vậy, bị cáo C giữ vai trò chính trong vụ án.

[3.2.2] Các bị cáo Nguyễn Minh H1, Nguyễn Đăng V: Các bị cáo là đồng phạm với vai trò giúp sức cho bị cáo C1 thực hiện hành vi phạm tội, hàng ngày các bị cáo đi rải tờ rơi có nội dung cho vay tiền và thu tiền góp bằng hình thức tiền mặt. Bị cáo H1 đã giúp sức cho bị cáo C1 cho 06 người vay tiền, tổng số tiền cho vay là 328.000.000 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 62.085.077 đồng. Bị cáo V đã giúp sức cho bị cáo C1 cho 05 người vay tiền, tổng cộng số tiền cho vay là 218.000.000 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 38.405.137 đồng. Vì vậy, bị cáo H1 giữ vai trò thấp hơn bị cáo Chung, bị cáo V giữ vai trò thấp nhất trong vụ án.

[3.3] Về nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo H1, V có nhân thân tốt; bị cáo C1 có nhân thân xấu.

[3.4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Chung đầu thú là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3.6] Các bị cáo H1, V có nhân thân tốt, có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo, để tạo cơ hội cho các bị cáo phấn đấu, tu dưỡng trở thành công dân tốt.

[3.7] Về áp dụng hình phạt: Từ những phân tích ở mục 3.1 đến mục 3.6 thấy rằng, xét thấy các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có khả năng tái chính nên áp dụng hình phạt tiền cho các bị cáo cũng đủ đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm, đồng thời thể hiện tính nhân đạo và khoan hồng của pháp luật. Vì vậy, bị cáo C1 chịu hình phạt cao nhất; bị cáo H1 chịu hình phạt thấp hơn bị cáo Chung; bị cáo V chịu hình phạt thấp nhất trong các bị cáo.

[4] Về tài sản bị phong tỏa: Căn cứ Điều 130 Bộ luật Tố tụng hình sự: Do bị cáo C1 bị phạt tiền nên tiếp tục Lệnh phong tỏa tài khoản số 01/LPT ngày 21/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

[5] Biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

[5.1] Đối với số tiền nợ gốc mà người vay đã trả cho các bị cáo, số tiền nợ gốc mà người vay đã nhận từ các bị cáo nhưng chưa trả cho các bị cáo là phương tiện phạm tội nên cần buộc các bị cáo, người vay nộp lại để sung ngân sách nhà nước. Đối với tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà các bị cáo đã thu của người vay là tiền do phạm tội mà có nên cần buộc các bị cáo nộp lại để sung ngân sách nhà nước. Đối với tiền thu lợi bất chính mà các bị cáo thực tế đã thu của người vay nhưng người vay không có yêu cầu trả lại nên cần buộc các bị cáo nộp lại để sung ngân sách nhà nước. Cụ thể:

[5.1.1] Đối với người vay gồm anh Bùi Minh T2, chị Nguyễn Thị Tường V2, chị Nguyễn Thị Tuyết N2: bị cáo Chung là người trực tiếp cho vay nên buộc bị cáo C1 nộp lại số tiền nợ gốc mà người vay đã trả cho bị cáo là 251.774.194 đồng, số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự thu của người vay là 5.381.360 đồng, số tiền thu lợi bất chính đã thu của người vay là 70.644.446 đồng để sung ngân sách nhà nước.

[5.1.2] Đối với người vay bà Hồ Thị T1: bị cáo Chung, bị cáo H1 là người trực tiếp cho vay nên buộc bị cáo Chung, bị cáo H1 có nghĩa vụ liên đới nộp lại số tiền nợ gốc mà người vay đã trả cho bị cáo là 8.200.000 đồng, số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự thu của người vay là 112.340 đồng, số tiền thu lợi bất chính đã thu của người vay là 2.437.660 đồng để sung ngân sách nhà nước.

[5.1.3] Đối với người vay gồm ông Phạm Quang D, bà Võ Thị N1, chị Biện Thị Ngọc H2, bà Lê Thị Kim H4 và bà Nguyễn Thị H3: bị cáo Chung, bị cáo H1, bị cáo V là người trực tiếp cho vay nên buộc bị cáo Chung, bị cáo H1, bị cáo V có nghĩa vụ liên đới nộp lại số tiền nợ gốc mà người vay đã trả cho bị cáo là 527.023.172 đồng, số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự thu của người vay là 9.485.332 đồng, số tiền thu lợi bất chính đã thu của người vay là 115.341.497 đồng để sung ngân sách nhà nước.

[5.1.4] Buộc người vay nộp lại số tiền nợ gốc mà người vay đã nhận từ các bị cáo Phan Văn C, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Đăng V nhưng chưa trả cho các bị cáo Phan Văn C, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Đăng V là 71.002.634 (bảy mươi một triệu không trăm linh hai nghìn sáu trăm ba mươi bốn) đồng để sung

ngân sách nhà nước. Cụ thể: bà Hồ Thị T1 nộp số tiền là 1.800.000 đồng; ông Phạm Quang D nộp số tiền là 3.125.000 đồng; anh Bùi Minh T2 nộp số tiền là 5.483.871 đồng; bà Võ Thị N1 nộp số tiền là 2.166.667 đồng; chị Biện Thị Ngọc H2 nộp số tiền là 16.774.194 đồng; bà Nguyễn Thị H3 nộp số tiền là 5.040.000 đồng; bà Lê Thị Kim H4 nộp số tiền là 13.870.967 đồng; chị Nguyễn Thị Tuyết N2 nộp số tiền là 13.064.516 đồng; chị Nguyễn Thị Tường V2 nộp số tiền là 9.677.419 đồng.

[5.2] Đối với 01 xe mô tô, biển số 33M9-5281, nhãn hiệu: Honda Wave, màu trắng đen, số máy: HC09E-5076368, số khung: RLHHC09085Y042342; kèm theo 01 Giấy đăng ký xe mô tô số: 0208872, biển số xe: 33M9-5281; 01 xe mô tô nhãn hiệu AirBlade, màu xám bạc, biển số: 59G1-390.11, số máy: JF27E1422199, số khung RLHJF2701BY6778; kèm theo 01 Giấy đăng ký xe mô tô số: 0208982, biển số xe: 59G1-390.11; 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave 125i, màu đỏ đen, biển số: 64G1-271.44, số máy: JA210E0185096, số khung MLHJA2108H5185096; kèm theo 01 Giấy đăng ký xe mô tô số: 020531, biển số xe: 64G1-271.44; 01 xe mô tô nhãn hiệu: Air Blade, màu xanh đen, số máy: JF63E2516241, biển số: 70G1-711.43 số khung RLHJF6319KZ02220; kèm theo 01 Giấy đăng ký xe mô tô số: 050032, biển số xe: 70G1-711.43; 01 Điện thoại di động Vivo 1610, màu trắng hồng, số Imei 1: 866580036859571: đây là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng để thực hiện phạm tội, còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[5.3] Đối với 20.000 tờ rơi in màu đỏ nền chữ màu đen, số điện thoại liên hệ màu vàng và 20.000 tờ rơi nền trắng, chữ màu đen cùng nội dung tờ rơi là “CHO VAY TIỀN GÓP, LH: 0971.734.657 là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng để thực hiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[5.4] Đối với 01 điện thoại di động Iphone 13, màu trắng đen, số sê ri: W3Q2GJQLG và số tiền 170.000 (một trăm bảy mươi nghìn) đồng của bị cáo H1, 01 điện thoại di động Iphone 11, màu trắng đen, số sê ri: F4GZL156N72K và số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng của bị cáo V; 01 căn cước công dân mang tên Hồ Thị Thu H5, số 072190004736 của chị H5 không là vật chứng vụ án nên trả lại cho các bị cáo và chị H5.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phan Văn C, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Đăng V phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

1.1 Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phan Văn C 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

1.2 Căn cứ khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 35 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Minh H1 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

1.3 Căn cứ khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 35 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng V 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

2. Về tài sản bị phong tỏa: Căn cứ Điều 130 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tiếp tục Lệnh phong tỏa tài khoản số 01/LPT ngày 21/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

3. Biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

3.1. Buộc bị cáo Phan Văn C nộp lại số tiền nợ gốc mà người vay đã trả cho bị cáo là 251.774.194 (hai trăm năm mươi một triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm chín mươi bốn) đồng, số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự của người vay 5.381.360 (năm triệu ba trăm tám mươi một nghìn ba trăm sáu mươi) đồng, số tiền thu lợi bất chính đã thu của người vay 70.644.446 (bảy mươi triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi sáu) đồng để sung ngân sách nhà nước.

3.2 Buộc các bị cáo Phan Văn C, Nguyễn Minh H1 có nghĩa vụ liên đới nộp lại số tiền nợ gốc mà người vay đã trả cho bị cáo là 8.200.000 (tám triệu hai trăm nghìn) đồng, số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự của người vay 112.340 (một trăm mười hai nghìn ba trăm bốn mươi) đồng, số tiền thu lợi bất chính đã thu của người vay 2.437.660 (hai

triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm sáu mươi) đồng để sung ngân sách nhà nước.

3.3 Buộc các bị cáo Phan Văn C, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Đăng V có nghĩa vụ liên đới nộp lại số tiền nợ gốc mà người vay đã trả cho bị cáo là 527.023.172 (năm trăm hai mươi bảy triệu không trăm hai mươi ba nghìn một trăm bảy mươi hai) đồng, số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự thu của người vay 9.485.332 (chín triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi hai) đồng, số tiền thu lợi bất chính đã thu của người vay 115.341.497 (một trăm mười lăm triệu ba trăm bốn mươi một nghìn bốn trăm chín mươi bảy) đồng để sung ngân sách nhà nước.

3.4 Buộc người vay nộp lại số tiền nợ gốc mà người vay đã nhận từ các bị cáo Phan Văn C, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Đăng V nhưng chưa trả cho các bị cáo Phan Văn C, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Đăng V là 71.002.634 (bảy mươi một triệu không trăm linh hai nghìn sáu trăm ba mươi bốn) đồng để sung ngân sách nhà nước. Cụ thể:

- Buộc bà Hồ Thị T1 nộp số tiền là 1.800.000 (một triệu tám trăm nghìn) đồng.
- Buộc ông Phạm Quang D nộp số tiền là 3.125.000 (ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.
- Buộc anh Bùi Minh T2 nộp số tiền là 5.483.871 (năm triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi một) đồng.
- Buộc bà Võ Thị N1 nộp số tiền là 2.166.667 (hai triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng.
- Buộc chị Biện Thị Ngọc H2 nộp số tiền là 16.774.194 (mười sáu triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm chín mươi bốn) đồng.
- Buộc bà Nguyễn Thị H3 nộp số tiền là 5.040.000 (năm triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng.
- Buộc bà Lê Thị Kim H4 nộp số tiền là 13.870.967 (mười ba triệu tám trăm bảy mươi nghìn chín trăm sáu mươi bảy) đồng.
- Buộc chị Nguyễn Thị Tuyết N2 nộp số tiền là 13.064.516 (mười ba triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm mười sáu) đồng.
- Buộc chị Nguyễn Thị Tường V2 nộp số tiền là 9.677.419 (chín triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm mười chín) đồng.

3.5 Tịch thu sung ngân sách nhà nước:

- 01 xe mô tô, biển số 33M9-5281, nhãn hiệu: Honda Wave, màu trắng đen, số máy: HC09E-5076368, số khung: RLHHC09085Y042342; kèm theo 01 Giấy đăng ký xe mô tô số: 0208872, biển số xe: 33M9-5281.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu AirBlade, màu xám bạc, biển số: 59G1-390.11, số máy: JF27E1422199, số khung RLHJF2701BY6778; kèm theo 01 Giấy đăng ký xe mô tô số: 0208982, biển số xe: 59G1-390.11.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave 125i, màu đỏ đen, biển số: 64G1-271.44, số máy: JA210E0185096, số khung MLHJA2108H5185096; kèm theo 01 Giấy đăng ký xe mô tô số: 020531, biển số xe: 64G1-271.44.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu: Air Blade, màu xanh đen, số máy: JF63E2516241, biển số: 70G1-711.43 số khung RLHJF6319KZ02220; kèm theo 01 Giấy đăng ký xe mô tô số: 050032, biển số xe: 70G1-711.43.

- 01 Điện thoại di động Vivo 1610, màu trắng hồng, số Imei 1: 866580036859571.

3.6 Tịch thu tiêu hủy:

- 20.000 tờ rơi in màu đỏ nền chữ màu đen, số điện thoại liên hệ màu vàng và 20.000 tờ rơi nền trắng, chữ màu đen cùng nội dung tờ rơi là “CHO VAY TIỀN GÓP, LH: 0971.734.657”.

3.7 Trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh H1: 01 Điện thoại di động Iphone 13, màu trắng đen, số sê ri: W3Q2GJQLG, số tiền 170.000 (một trăm bảy mươi nghìn) đồng.

3.8 Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đăng V: 01 Điện thoại di động Iphone 11, màu trắng đen, số sê ri: F4GZL156N72K, số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng.

3.9 Trả lại cho chị Hồ Thị Thu H5: 01 Căn cước công dân mang tên Hồ Thị Thu H5, số Căn cước công dân: 072190004736.

(Vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 02/4/2025).

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phan Văn C, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Đăng V, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thành phố Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS thành phố Tây Ninh;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Tây Ninh;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Tây Ninh;
- Công an tỉnh Tây Ninh;
- Bị cáo;
- Người có QL, NVLQ đến vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thị Thanh Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Tòng Quân

Nguyễn Minh Hoàng

Lâm Thị Thanh Hằng

